



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited



**CÔNG TY TNHH MTV
DU LỊCH THƯƠNG MẠI
KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY
31/12/2015**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số : 76 / DLTM

Kiên Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2016

CTY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

PHÒNG HÀNH VĂN PHÒNG



Lưu Thị Ngọc Duyên

SVC SVC SVC SVC SVC S
SVC SVC SVC SVC SVC SVI

**CÔNG TY TNHH MTV
DU LỊCH THƯƠNG MẠI
KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY
31/12/2015**

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2015	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2015	12 - 13
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2015	14 - 34

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Các thông tin chung

Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được thành lập theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hợp nhất Công ty Du lịch Kiên Giang và Công ty Thương mại Kiên Giang.

Từ ngày 01/07/2010 Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang chính thức chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang theo Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Du lịch- Thương mại Kiên Giang thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/06/2010. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 28 tháng 02 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty, Ông Phạm Văn Hoàng giữ chức Tổng Giám đốc thay thế Ông Nguyễn Hùng Linh.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 186-188-190 Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700523208 ngày 30 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu như sau:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn. Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ. Dịch vụ ăn uống tại cửa hàng, quầy cố định hoặc lưu động. Hoạt động của các cửa hàng tự phục vụ;
- Vận tải hành khách liên tỉnh. Vận tải hành khách nội tỉnh. Vận tải hành khách bằng xe ô tô (trừ xe taxi, xe buýt). Vận tải hành khách bằng xe taxi. Vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hành khách bằng phương tiện thô sơ;
- Vận tải ven biển (tàu thủy, ca nô, xà lan, xuồng máy, thuyền buồm, thuyền chèo tay);
- Vận tải đường sông bằng phương tiện cơ giới. Vận tải đường sông bằng phương tiện thô sơ;
- Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh lữ hành quốc tế. Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí;
- Dịch vụ chăm sóc cá nhân;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng. Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ nhớt;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu. Mua bán nông sản thô chưa chế biến. Mua bán nông sản sơ chế. Mua bán lương thực. Mua bán thực phẩm. Mua bán cá và thủy sản. Mua bán thịt và sản phẩm từ thịt. Mua bán một số hàng thực phẩm khác;
- Mua bán đồ uống có cồn: rượu bia;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước. Mua bán gỗ, kim khí;
- Mua bán thiết bị văn phòng;
- Mua bán tạp phẩm khác;

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Mua bán hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ...;
- Giết mổ, chế biến thịt gia cầm. Giết mổ, chế biến thịt gia súc;
- Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Môi giới thương mại. Ủy thác mua bán hàng hóa. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Môi giới, đầu giá bất động sản;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Kinh doanh ngoại hối, vàng. Dịch vụ cầm đồ;
- Kinh doanh bãi tắm
- Kinh doanh phòng hát Karaoke;
- Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Mua bán thuốc lá, thuốc Lào và sản phẩm từ sợi thuốc lá: thuốc lá điếu, xì gà, thuốc sợi;
- Đi du thuyền;
- Kinh doanh nhà vệ sinh, nhà tắm công cộng;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh. Vận tải chất lỏng: xăng, dầu, nước, sữa. Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường sông liên vận;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ. Cho thuê phương tiện vận tải đường thủy;
- Dịch vụ gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc;
- Hoạt động ca nhạc tạp kỹ;
- Các hoạt động nhiếp ảnh;
- Bán lẻ qua bưu điện;
- Mua bán đồ uống không cồn: nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết;
- Cho thuê kho, bãi đậu xe. Mua bán thiết bị khác: vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và đóng hộp thủy sản. Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh. Chế biến và bảo quản thủy sản khô. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn thủy sản;
- Khai thác thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản nước lợ. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm. Bán lẻ thiết bị viễn thông. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin liên quan đến máy vi tính. Hoạt động viễn thông không dây. Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Hoạt động viễn thông có dây. Lắp đặt hệ thống điện: từ 35KV trở xuống;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Bán buôn xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý xe có động cơ khác. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các đơn vị trực thuộc

Vào thời điểm lập báo cáo này Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng
- Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC

3. Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc tại ngày kết thúc niên độ bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Thái	Thành viên
Ông Trần Minh Khoa	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Quốc Thái	Phó Tổng giám đốc
Bà Huỳnh Thanh Nguyên	Phó Tổng giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Đặng Văn Lành	Kiểm soát viên

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2015 được trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với Bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực/ Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 27/04/2016

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hoàng



Số: 1517A/SVC-CN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch – Thương mại Kiên Giang, được lập ngày 27 tháng 04 năm 2016, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại mục (5.12.1) của thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu quỹ lương đơn vị tạm trích theo kế hoạch, số liệu sẽ được điều chỉnh theo Biên bản duyệt quỹ lương năm 2015 của Sở Lao động Thương binh Xã hội Tỉnh Kiên Giang.

Như được trình bày tại mục (5.16) của thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi đơn vị tạm trích, số liệu này sẽ được điều chỉnh khi chính thức có Biên bản xếp loại doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đối với mức độ hoàn thành kế hoạch của Công ty trong năm tài chính 2015.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch – Thương mại Kiên Giang tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

GIÁM ĐỐC



PHÙNG CHÍ THÀNH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0184-2013-107-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM VĂN GIỚI

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0178-2013-107-1

Chúng tôi xin lưu ý người đọc, về tình hình trích lập và xử lý nợ phải thu khó đòi được trình bày tại mục (5.2.3) và mục (9) của thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		586.461.766.261	955.471.794.390
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	42.255.979.521	24.153.047.712
1. Tiền	111		42.255.979.521	24.153.047.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	5.2	245.178.695.909	396.952.281.844
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		182.009.487.225	221.433.444.749
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		114.649.633.458	224.687.028.462
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		21.107.473.164	22.965.412.676
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(72.256.700.625)	(72.842.436.787)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		668.802.687	708.832.744
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	289.809.279.674	523.134.168.685
1. Hàng tồn kho	141		289.809.279.674	524.515.419.521
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.381.250.836)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	5.4	9.217.811.157	11.232.296.149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.494.010.219	2.326.251.598
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.723.800.938	8.906.044.551
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	31/12/2015	01/01/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		502.916.171.626	568.190.298.484
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		344.221.058.187	382.725.373.309
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	267.945.129.927	287.613.347.651
+ Nguyên giá	222		408.235.667.307	402.058.870.921
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.290.537.380)	(114.445.523.270)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	76.275.928.260	95.112.025.658
+ Nguyên giá	228		76.526.202.872	95.267.811.258
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(250.274.612)	(155.785.600)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
+ Nguyên giá	231		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.482.482.443	19.929.580.500
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	18.482.482.443	19.929.580.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	135.577.151.785	158.080.633.927
1. Đầu tư vào công ty con	251		53.028.210.000	59.860.830.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		64.966.189.527	75.637.889.527
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.081.914.400	30.081.914.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(12.499.162.142)	(7.500.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.635.479.211	7.454.710.748
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	4.635.479.211	7.454.710.748
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.089.377.937.887	1.523.662.092.874

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		769.647.700.678	1.196.520.818.181
I. Nợ ngắn hạn	310		635.590.800.678	1.062.923.818.181
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	131.879.507.923	136.078.386.993
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	50.589.337.021	26.962.023.581
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	7.062.883.258	12.732.001.444
4. Phải trả người lao động	314	5.12	18.878.807.888	17.814.329.341
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	368.626.387	1.680.794.042
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	18.361.143.542	92.067.968.543
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	401.655.811.280	774.655.496.500
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	6.794.683.379	932.817.737
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		134.056.900.000	133.597.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		102.000.000	2.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	133.954.900.000	133.595.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	31/12/2015	01/01/2015
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		319.730.237.209	327.141.274.693
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		319.730.237.209	327.141.274.693
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.17	254.383.671.160	254.488.299.980
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.17	65.346.566.049	62.804.306.886
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.17	-	9.848.667.827
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.089.377.937.887	1.523.662.092.874

Người lập



Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT

Kiên Giang, ngày 27 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



PHẠM VĂN HOÀNG

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.720.339.998.679	5.016.027.266.064
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	457.666.245	422.271.840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	3.719.882.332.434	5.015.604.994.224
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.565.972.314.190	4.876.006.203.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153.910.018.244	139.598.790.857
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	24.810.549.519	34.668.639.857
7. Chi phí tài chính	22	6.4	47.090.435.525	41.835.591.528
Trong đó, chi phí lãi vay	23		30.676.119.942	29.494.342.328
8. Chi phí bán hàng	25		95.052.192.888	89.601.550.038
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		33.517.445.632	56.197.200.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.060.493.718	(13.366.911.733)
11. Thu nhập khác	31	6.5	36.698.398.248	32.611.797.793
12. Chi phí khác	32	6.6	24.719.435.565	13.185.710.625
13. Lợi nhuận khác	40		11.978.962.683	19.426.087.168
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.039.456.401	6.059.175.435
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.444.278.809	5.479.305.011
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.595.177.592	579.870.424

Người lập



Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT

Kiên Giang, ngày 27 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc



PHẠM VĂN HOÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.039.456.401	6.059.175.435
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.5 & 5.6	28.082.498.276	27.942.536.541
Các khoản dự phòng	03		3.617.911.306	16.087.504.635
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		303.187.615	211.027.620
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7.1	(20.314.838.575)	(39.656.854.522)
Chi phí lãi vay	06		30.676.119.942	29.494.342.328
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		57.404.334.965	40.137.732.037
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		158.489.367.184	49.186.122.601
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		234.706.139.847	(23.207.826.435)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(69.665.666.300)	69.311.017.535
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.777.844.887	2.406.487.427
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	6.4	(30.676.119.942)	(65.650.176.666)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.707.736.293)	(93.318.139)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		100.000.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.460.386.609)	(7.374.981.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		345.967.777.739	64.715.057.125
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.271.715.356)	(6.043.711.665)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		27.121.294.511	24.443.631.360
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.386.729.946
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		23.935.330.441	43.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.3	1.707.272.703	10.274.175.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44.492.182.299	73.560.825.323

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. mình	Năm 2015	Năm 2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.109.568.316.826	5.206.737.533.823
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.481.923.022.030)	(5.598.983.256.412)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(372.354.705.204)	(392.245.722.589)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		18.105.254.834	(253.969.840.141)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	24.153.047.712	278.123.683.257
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.323.025)	(795.404)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	42.255.979.521	24.153.047.712

Người lập



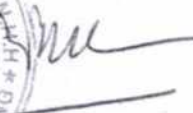
Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT

Kiên Giang, ngày 27 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc

PHẠM VĂN HOÀNG

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được thành lập theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hợp nhất Công ty Du lịch Kiên Giang và Công ty Thương mại Kiên Giang.

Từ ngày 01/07/2010 Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang chính thức chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch- Thương mại Kiên Giang theo Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/06/2010. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 28 tháng 02 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty, Ông Phạm Văn Hoàng giữ chức Tổng Giám đốc thay thế Ông Nguyễn Hùng Linh.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 186-188-190 Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm 2015 lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty gồm các ngành nghề sau:

- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng. Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ nhớt;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu. Mua bán nông sản thô chưa chế biến. Mua bán nông sản sơ chế. Mua bán lương thực. Mua bán thực phẩm. Mua bán cá và thủy sản. Mua bán thịt và sản phẩm từ thịt. Mua bán một số hàng thực phẩm khác;
- Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Mua bán đồ uống có cồn: rượu bia;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước. Mua bán gỗ, kim khí;
- Mua bán thiết bị văn phòng;
- Mua bán tạp phẩm khác;
- Môi giới thương mại. Ủy thác mua bán hàng hóa. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Kinh doanh ngoại hối, vàng. Dịch vụ cầm đồ;
- Mua bán đồ uống không cồn: nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết;

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Cho thuê kho, bãi đậu xe. Mua bán thiết bị khác: vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Chế biến và đóng hộp thủy sản. Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh. Chế biến và bảo quản thủy sản khô. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm. Bán lẻ thiết bị viễn thông. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin liên quan đến máy vi tính. Hoạt động viễn thông không dây. Hoạt động viễn thông khác;

1.3. Các đơn vị trực thuộc

Vào thời điểm lập báo cáo này Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng
- Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

- Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	08 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
+ Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm
+ Tài sản cố định vô hình - phần mềm kế toán	05 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Phương pháp lập dự phòng khoản vốn đầu tư của doanh nghiệp vào tổ chức kinh tế:

Cuối kỳ nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì phải lập dự phòng.

4.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

- + Không quá một năm đối với những công cụ, dụng cụ thuộc nhóm vật rẻ tiền mau hỏng
- + Không quá 2 năm đối với công cụ, dụng cụ có giá trị lớn thời gian hữu dụng dài trên 1 năm

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian hiệu lực hợp đồng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

4.9. Nguồn vốn trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo hướng dẫn tại Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính Phủ

- 1- Chia lãi cho các thành viên góp vốn, liên kết;
- 2- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;
- 3- Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung qui định tại khoản 1, 2 điều này được phân phối như sau:

- a- Trích 30% vào đầu tư phát triển;
- b- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- c- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp;

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng viên chức quản lý mức trích cụ thể căn cứ theo xếp loại doanh nghiệp hàng năm của UBND tỉnh đối với mức độ hoàn thành kế hoạch của doanh nghiệp.

- d- Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập theo quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản thuế phải nộp

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế:

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh trong kỳ kế toán không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Các khoản chi phí và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

4.13. Số liệu so sánh đầu năm

Một vài số liệu so sánh đầu năm được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm hiện hành theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	1.852.399.227	1.901.219.783
Tiền gửi ngân hàng (5.1.1)	40.403.580.294	22.243.279.929
Tiền đang chuyển	-	8.548.000
Cộng	42.255.979.521	24.153.047.712

(5.1.1) Chi tiết tiền gửi ngân hàng:

		31/12/2015
Tiền gửi ngân hàng - VNĐ		33.931.676.585
Tiền gửi ngân hàng - USD	288.163,67 #	6.465.764.513
Tiền gửi ngân hàng - EUR	251,02 #	6.139.196
Cộng		40.403.580.294

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

		31/12/2015	01/01/2015
Phải thu khách hàng	(5.2.1)	182.009.487.225	221.433.444.749
Trả trước cho người bán		114.649.633.458	224.687.028.462
Các khoản phải thu khác	(5.2.2)	21.107.473.164	22.965.412.676
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.2.3)	(73.256.700.625)	(72.842.436.787)
Tài sản thiếu chờ xử lý	(5.2.4)	668.802.687	708.832.744
Cộng		<u>245.178.695.909</u>	<u>396.952.281.844</u>

(5.2.1) Trống đó: Chi tiết phải thu các khách hàng có số nợ lớn

	Đơn vị ghi số	31/12/2015
Phải thu Tổng Cty Lương Thực Miền Nam	Văn phòng CT	43.401.611.064
Phải thu SYT Sunrise (M) SDN BHD	Văn phòng CT	32.433.486.800
Phải thu WORLD TRADE LLC	Văn phòng CT	13.490.448.500
Phải thu CT CP Hoàng Lê Gia	Văn phòng CT	8.565.268.800
Phải thu DNTN Duy Linh	XNKDXDPQ	5.580.154.010
Phải thu CT TNHH Hưng Hồng Quang	XNKDXDPQ	4.140.677.290
Phải thu các khách hàng khác		74.397.840.761
Cộng		<u>182.009.487.225</u>

(5.2.2) Chi tiết phải thu khác

	Tên đơn vị	31/12/2015
Phải thu khác _nợ khó đòi		6.006.848.183
Nguyễn Thị Thu Hà	CH BH TP Rạch Giá	4.056.617.000
Đặng Xuân Hòa	CHTM Giồng Riềng	292.711.200
Đặng Việt Thành	NM Gạo Giồng Riềng	1.657.519.983
Phải thu khác_Văn phòng công ty		12.975.161.075
Công ty CP Du lịch Kiên Giang		2.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang		372.081.158
Công ty TNHH MTV TMDV Kiên Giang		10.603.079.917
Phải thu khác_XN KD xăng dầu Rạch Giá		35.576.873
Phải thu về thuế TNCN		25.803.465
Phải thu các đối tượng khác		9.773.408
Phải thu khác_Nhà máy Đồ Hộp KTC		56.400.873
Phải thu tiền bồi thường hao hụt thành phẩm		56.400.873
Cộng nhóm phải thu khác (dư nợ TK 1388)	(1)	<u>19.073.987.004</u>
Phải thu về cổ phần hóa (dư nợ TK 1385)	(2)	916.283.318
Phải thu BHXH, BHTN (dư nợ TK 3383, TK 3389)	(3)	124.199.959
Phải thu khác (dư nợ TK 3388)	(4)	9.129.019
Các khoản tạm ứng (dư nợ TK 141)	(5)	983.873.864
Cộng (1) + (2) + (3) + (4) +(5)		<u>21.107.473.164</u>

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.2.3) Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số dư công nợ cần trích lập dự phòng	Số dự phòng đã trích lập	Số dự phòng phải trích lập theo quy định	Số trích thiếu
Nhóm phải thu khách hàng	33.966.355.080	14.786.642.735	32.928.014.842	18.141.372.107
Nhóm trả trước cho người bán	59.412.793.042	57.607.346.690	59.412.793.042	1.805.446.352
Nhóm phải thu khác (bao gồm dư nợ 1388 + dư nợ 1381)	6.660.709.871	862.711.200	6.660.709.871	5.797.998.671
Cộng	100.039.857.993	73.256.700.625	99.001.517.755	25.744.817.130

Công ty đã có kế hoạch đầu năm 2016 chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, căn cứ theo qui định hiện hành các khoản nợ khó đòi tạm ngưng trích lập để chuyển danh sách sang Ban cổ phần hóa tỉnh Kiên Giang xin ý kiến xử lý trước khi chuyển sang Công ty cổ phần.

(5.2.4) Chi tiết tài sản thiếu chờ xử lý:

	31/12/2015
Hao hụt gạo vượt định mức tại NMCB gạo xuất khẩu Giồng Riềng	83.861.688
Hao hụt xăng dầu vượt định mức tại XNKD xăng dầu Rạch Giá	584.940.999
Cộng	668.802.687

5.3. Hàng tồn kho

	31/12/2015	01/01/2015
Hàng mua đang đi đường	10.218.220.680	551.756.861
Nguyên liệu, vật liệu	30.902.515.864	57.848.919.126
Công cụ, dụng cụ	38.952.017	2.219.898.635
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (5.3.1)	179.158.935.181	250.767.100.724
Thành phẩm	27.856.048.219	165.235.633.249
Hàng hóa	33.132.594.282	43.171.643.128
Hàng gửi bán	8.502.013.431	4.720.467.798
Cộng giá gốc hàng tồn kho	289.809.279.674	524.515.419.521
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.381.250.836)
Giá trị thuần có thể thực hiện	289.809.279.674	523.134.168.685

(5.3.1) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2015
Dự án khu dân cư ấp Hoà Thuận, Vĩnh Hoà Hiệp, CT,G	16.130.164.789
Dự án dãy nhà phố Kênh 5 (Tân Hiệp)	723.923.600
Dự án khu dân cư Phía Tây TT Giồng Riềng	30.146.000
Dự án khu đô thị 67,5 ha Phú Quốc	162.137.971.848
Chi phí sản xuất cá hộp dở dang tại Nhà máy Đồ Hộp	136.728.944
Cộng	179.158.935.181

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

		31/12/2015	01/01/2015
Chi phí trả trước ngắn hạn	(5.4.1)	1.494.010.219	2.326.251.598
Thuế GTGT được khấu trừ và chờ hoàn		7.723.800.938	8.906.044.551
Cộng		9.217.811.157	11.232.296.149

(5.4.1) Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn:

	31/12/2015
Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc (1)	74.025.182
<i>Phí bảo hiểm</i>	74.025.182
Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá (2)	724.494.770
<i>Phí bảo hiểm của hàng xăng dầu</i>	202.058.493
<i>Chi phí thuê CHXD</i>	496.727.277
<i>Chi phí chờ phân bổ khác</i>	25.709.000
Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC (3)	695.490.267
<i>Công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	122.956.985
<i>Phí bảo hiểm, đánh giá IFS, thẩm định, ..</i>	417.707.477
<i>Chi phí chờ phân bổ khác</i>	154.825.805
Cộng (1) + (2) + (3)	1.494.010.219

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	218.543.060.369	147.267.048.823	35.050.871.887	1.197.889.842	402.058.870.921
Tăng trong kỳ	9.169.046.068	4.057.786.704	1.357.246.576	80.909.091	14.664.988.439
Tăng do mua sắm	-	3.911.281.157	1.261.818.182	80.909.091	5.254.008.430
Tăng từ XDCB	4.318.299.436	146.505.547	-	-	4.464.804.983
Tăng do nhận tài sản từ Công ty KTS (*)	4.850.746.632	-	95.428.394	-	4.946.175.026
Giảm trong kỳ	1.623.595.920	417.850.266	6.446.745.867	-	8.488.192.053
Giảm thanh lý	1.597.580.465	309.701.566	6.446.745.867	-	8.354.027.898
Giảm chuyển sang CCDC	26.015.455	108.148.700	-	-	134.164.155
Số dư cuối kỳ	226.088.510.517	150.906.985.261	29.961.372.596	1.278.798.933	408.235.667.307
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	48.138.131.236	43.818.373.617	21.645.321.964	843.696.453	114.445.523.270
Tăng trong kỳ	15.830.247.727	13.201.233.134	2.913.459.838	79.488.819	32.024.429.518
Tăng do trích khấu hao	11.858.456.073	13.201.233.134	2.848.831.238	79.488.819	27.988.009.264
Tăng do nhận khấu hao từ Công ty KTS (*)	3.971.791.654	-	64.628.600	-	4.036.420.254
Giảm trong kỳ	1.401.768.874	304.609.000	4.473.037.534	-	6.179.415.408
Giảm do thanh lý	1.399.384.124	299.201.566	4.473.037.534	-	6.171.623.224
Giảm chuyển sang CCDC	2.384.750	5.407.434	-	-	7.792.184
Số dư cuối kỳ	62.566.610.089	56.714.997.751	20.085.744.268	923.185.272	140.290.537.380

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Tại ngày đầu năm	<u>170.404.929.133</u>	<u>103.448.675.206</u>	<u>13.405.549.923</u>	<u>354.193.389</u>	<u>287.613.347.651</u>
Tại ngày cuối năm	<u>163.521.900.428</u>	<u>94.191.987.510</u>	<u>9.875.628.328</u>	<u>355.613.661</u>	<u>267.945.129.927</u>

(*) Nhận bàn giao tài sản từ Công ty KTS gồm: Nhà cửa vật kiến trúc tại số 258 Ngô Quyền nguyên giá 841.134.080 đồng, đã hết giá trị khấu hao; Nhà cửa vật kiến trúc Xí nghiệp Gia súc Gia cầm nguyên giá 4.009.612.552 đồng, đã khấu hao 3.130.657.574 đồng, giá trị còn lại 878.954.978 đồng; Phương tiện truyền dẫn (hệ thống cấp nước và hệ thống điện hạ thế) từ Xí nghiệp Gia súc Gia cầm nguyên giá 95.428.394 đồng, đã khấu hao 64.628.600 đồng, giá trị còn lại 30.799.794 đồng.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	<u>95.237.811.258</u>	<u>30.000.000</u>	<u>95.267.811.258</u>
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tăng do mua sắm	-	-	-
Giảm trong kỳ	<u>18.741.608.386</u>	-	<u>18.741.608.386</u>
Giảm thanh lý	18.741.608.386	-	18.741.608.386
Số dư cuối kỳ	<u>76.496.202.872</u>	<u>30.000.000</u>	<u>76.526.202.872</u>
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư đầu kỳ	<u>128.848.100</u>	<u>26.937.500</u>	<u>155.785.600</u>
Tăng khấu hao	91.426.512	3.062.500	94.489.012
Số dư cuối kỳ	<u>220.274.612</u>	<u>30.000.000</u>	<u>250.274.612</u>
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>95.108.963.158</u>	<u>3.062.500</u>	<u>95.112.025.658</u>
Tại ngày cuối năm	<u>76.275.928.260</u>	-	<u>76.275.928.260</u>

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		31/12/2015	01/01/2015
Chi mua sắm tài sản dở dang	(5.7.1)	1.055.122.766	2.706.939.669
Chi xây dựng cơ bản dở dang	(5.7.2)	17.427.359.677	17.222.640.831
Cộng		<u>18.482.482.443</u>	<u>19.929.580.500</u>

(5.7.1) Chi tiết mua sắm tài sản dở dang:

	31/12/2015
Kho ngoại quan + Siêu thị miễn thuế Hà Tiên	395.122.766
Giá trị mua đất bờ sông kho Kiên Lương	660.000.000
Cộng	<u>1.055.122.766</u>

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.7.2) Khoản chi xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2015
Khoản chi xây dựng Kho ngoại quan và Siêu thị miễn thuế tại Hà Tiên	17.422.640.831
Ụ tàu An Hòa (Số 11 Nhật Tảo, P. An Bình) - Lệ phí trích đo địa chính	4.718.846
Cộng	<u>17.427.359.677</u>

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Đầu tư vào công ty con (5.8.1)	53.028.210.000	59.860.830.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (5.8.2)	64.966.189.527	75.637.889.527
Đầu tư dài hạn khác (5.8.3)	30.081.914.400	30.081.914.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (5.8.4)	(12.499.162.142)	(7.500.000.000)
Cộng	<u>135.577.151.785</u>	<u>158.080.633.927</u>

(5.8.1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con

	31/12/2015	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV TMDV Kiên Giang	42.000.000.000	100,00%
Công ty CP Vận tải Thủy bộ Kiên Giang	<u>11.028.210.000</u>	85,66%
Cộng	<u>53.028.210.000</u>	

(5.8.2) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty CP Chế biến Thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	7.680.000.000	35,00%
Công ty CP Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	9.766.850.000	38,08%
Công ty CP Kiên Hùng I	7.500.000.000	30,00%
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học	2.560.480.000	20,00%
Công ty CP Kinh doanh Nông sản Kiên Giang	9.836.000.000	22,35%
Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang	<u>27.622.859.527</u>	27,62%
Cộng	<u>64.966.189.527</u>	

(5.8.3) Chi tiết các khoản đầu tư khác

	31/12/2015	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty CP Sài Gòn Phú Quốc	3.718.400.000	11,62%
Công ty CP Du lịch Kiên Giang	12.525.630.000	14,52%
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2 Kiên Giang	477.604.400	
Công ty CP Thương mại Sabeco Sông Hậu	12.800.000	
Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam	<u>13.347.480.000</u>	
Cộng	<u>30.081.914.400</u>	

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.8.4) Chi tiết các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn đã trích lập theo qui định:

	Số lỗ mất vốn tại ngày 31/12/2015	Tỷ lệ vốn góp/ vốn góp thực tế	Số dự phòng đã trích lập	Mức dự phòng theo qui định	Ghi chú
Công ty TNHH MTV TMDV KG	3.755.373.770	100,00%	3.755.373.770	3.755.373.770	Trích đủ
Công ty CP Kiên Hùng I	7.500.000.000	30,00%	7.500.000.000	7.500.000.000	Trích đủ
Công ty CP Du lịch KG	8.564.082.459	14,52%	1.243.788.372	1.243.788.372	Trích đủ
Cộng	19.819.456.229		12.499.162.142	12.499.162.142	

5.9. Tài sản dài hạn khác

		31/12/2015	01/01/2015
Chi phí trả trước dài hạn	(5.9.1)	4.635.479.211	7.454.710.748
Cộng		4.635.479.211	7.454.710.748

(5.9.1) Chi tiết chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015
Văn phòng công ty	158.523.741
<i>Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>	158.523.741
Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC	1.215.420.362
<i>Chi phí giám sát</i>	37.801.364
<i>Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>	114.955.470
<i>Chi phí chờ phân bổ khác</i>	1.062.663.528
NMCBG xuất khẩu Giồng Riềng	234.828.966
<i>Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>	234.828.966
Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp	996.975.604
<i>Phí bảo hiểm</i>	70.883.294
<i>Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>	926.092.310
Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá	2.029.730.538
<i>Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>	1.192.868.037
<i>Chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu</i>	535.241.294
<i>Chi phí trang trí bảng hiệu</i>	301.621.207
Cộng	4.635.479.211

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

		31/12/2015	01/01/2015
Phải trả người bán	(5.10.1)	131.879.507.923	136.078.386.993
Người mua trả tiền trước	(5.10.2)	50.589.337.021	26.962.023.581
Cộng		182.468.844.944	163.040.410.574

(5.10.1) Trong đó phải trả Công ty Xăng Dầu Khu vực II : 86.114.876.783 đồng

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.10.2) Chi tiết người mua trả tiền trước:

	31/12/2015
Người mua ứng trước tiền mua gạo và đất tại Văn Phòng công ty	48.734.801.028
Người mua ứng trước tiền mua gạo tại NM CBG Giồng Riềng	29.625.000
Người mua ứng trước tiền mua hàng tại XN Kinh doanh xăng dầu Phú Quốc	33.209.793
Người mua ứng trước tiền mua hàng tại XN Kinh doanh xăng dầu Rạch Giá	1.778.758.545
Người mua ứng trước tiền mua hàng tại NM thực phẩm đóng hộp KTC	12.942.655
Cộng	<u>50.589.337.021</u>

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế giá trị gia tăng	-	2.649.124.661
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.501.054	168.501.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.037.159.790	9.153.002.707
Thuế thu nhập cá nhân	757.222.414	661.373.022
Thuế tài nguyên	100.000.000	100.000.900
Cộng	<u>7.062.883.258</u>	<u>12.732.001.444</u>

5.12. Phải trả người lao động

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả người lao động_ quỹ lương (5.12.1)	18.680.217.888	17.614.092.795
Phải trả người lao động_ tiền cơm trưa	198.590.000	200.236.546
Cộng	<u>18.878.807.888</u>	<u>17.814.329.341</u>

5.12.1 Chi tiết phải trả người lao động

	Năm 2015
Số dự phải trả CNV đầu năm	17.614.092.795
Số trích vào chi phí trong năm (*)	59.137.221.322
Chi lương trong năm	<u>(58.071.096.229)</u>
Số dư phải trả CNV cuối năm	<u>18.680.217.888</u>

(*) Số liệu quỹ lương đơn vị tạm trích theo kế hoạch, số liệu sẽ được điều chỉnh theo Biên bản duyệt quỹ lương năm 2015 của Sở Lao động Thương binh Xã hội Tỉnh Kiên Giang.

5.13. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
Phí làm hàng xuất khẩu – Văn phòng công ty	38.000.000	1.680.794.042
Trích trước chi phí phát sinh tháng 12 chưa thanh toán – Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC	330.626.387	-
Cộng	<u>368.626.387</u>	<u>1.680.794.042</u>

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.066.250	-
Kinh phí công đoàn	93.936.597	99.933.205
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	22.005.724	248.854.222
Các khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	6.201.022.641	6.201.022.641
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (5.14.1)	12.033.112.330	85.418.158.475
Cộng	18.361.143.542	92.067.968.543

(5.14.1) Chi tiết các khoản phải trả khác

	31/12/2015
Phải trả khác tại Văn phòng công ty	11.669.993.175
Khách hàng cá nhân đặt cọc tiền đất dự án Phú Quốc	750.330.463
Công ty Xăng dầu Khu vực II (ứng vốn hỗ trợ đầu tư mở rộng cửa hàng bán xăng dầu, kho chứa, đóng mới xe bồn chở dầu)	5.092.426.566
Công ty Du lịch Kiên Giang	1.300.324.757
Công ty TNHH Thương mại Kiên An Phú KG	1.840.915.227
Công ty TNHH Kiên Hùng I	247.221.050
Công ty TNHH CK XD TM Vinh Phát	35.471.238
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang – lãi vay do góp thiếu vốn	1.761.014.948
Thủ lao viên chức quản lý đại diện vốn nhà nước	422.141.261
Phải trả các đối tượng khác	172.195.214
Dư có tài khoản 1388 – Văn phòng công ty	47.952.451
Phải trả khác tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá	360.801.655
Phải trả khác tại Nhà máy thực phẩm Đông Hốp KTC	2.317.500
Cộng	12.033.112.330

5.15. Vay ngắn hạn và dài hạn

	Số dư 01/01/2015	Trả trong năm	Vay trong năm	Số dư 31/12/2015
Vay ngắn hạn	774.655.496.500	3.501.043.022.030	3.128.328.416.826	401.940.891.296
Chênh lệch tỷ giá	-	554.472.100	269.392.084	(285.080.016)
Vay và nợ ngắn hạn	774.655.496.500	3.501.597.494.130	3.128.597.808.910	401.655.811.280
Vay và nợ dài hạn	133.595.000.000	-	359.900.000	133.954.900.000
Cộng	908.250.496.500	3.501.597.494.130	3.128.957.708.910	535.610.711.280

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

❖ Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

		USD	31/12/2015 VND
NH TMCP ĐT&PT Việt Nam - VND	(5.15.1)		77.781.910.120
NH TMCP ĐT&PT Việt Nam - USD	(5.15.1)	702.000	15.823.080.000
NH TMCP Ngoại Thương - VND	(5.15.2)		245.267.888.580
NH TMCP Ngoại Thương - USD	(5.15.2)	1.720.627	38.782.932.580
NH TMCP PT TP. HCM – CN KG - VND	(5.15.3)		24.000.000.000
Cộng			401.655.811.280

(5.15.1) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Kiên Giang

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Kiên Giang. Lãi suất vay biến động theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, trong đó lãi suất cho vay bằng USD áp dụng cuối năm 2015 là 3,0%/năm, lãi suất cho vay bằng VND dao động từ 6,0% đến 7,0%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp như sau:

- Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở tại số 211/14 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM.
- Giấy chứng nhận QSD đất tại số 186-188-190 Trần Phú, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang.
- Quyền thuê đất của 2 lô đất tại đường Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang.
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh (gạo, xăng dầu, thủy sản ...) của công ty.

(5.15.2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang. Lãi suất vay biến động theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, trong đó lãi suất cho vay bằng USD áp dụng cuối năm 2015 là 3,0%/năm, lãi suất cho vay bằng VND dao động từ 5,0% đến 6,5% /năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp với tổng giá trị tài sản thế chấp 169.631.000.000 VND, bao gồm:

- Đất cơ sở sản xuất và kinh doanh, cửa hàng xăng dầu, bồn xăng dầu tại: ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, Hòn Đất; ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, Hòn Đất; ấp Bời Lời, xã Bình Minh, Vĩnh Thuận; khu phố Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh và trụ sở làm việc tại số 192 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá, Kiên Giang.
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, tài sản gắn liền với đất là nhà máy chế biến gạo xuất khẩu tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất chế biến gạo tại Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp (kho Kinh 9 và kho Kinh 7).
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà máy chế biến gạo xuất khẩu và máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất tại Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp, ấp Đông Thành, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà máy chế biến gạo xuất khẩu và máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất tại Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng, ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang.
- Máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC tại khu cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, Châu Thành, Kiên Giang.

(5.15.3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM – CN Kiên Giang (HDBANK)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM – CN Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0290/15/HĐTDHM-DN/216/ĐNGN-KUNN-01 ngày 30 tháng 09 năm 2015, hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn kinh doanh xăng dầu, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 30/09/2015 đến hết ngày 30/09/2016, thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng kế ước nhận nợ cụ thể, thời hạn cho vay tối đa không quá 3 tháng.

❖ Chi tiết vay dài hạn và nợ dài hạn :

		31/12/2015
Vay dài hạn		133.779.900.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang	(5.15.4)	51.779.900.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang	(5.15.5)	82.000.000.000
Nợ dài hạn		175.000.000
Cộng		133.954.900.000

(5.15.4) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang, tổng số dư nợ tại 31/12/2015 là 51.779.900.000 đồng, trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2016 là 19.120.000.000 đồng. Chi tiết số dư còn nợ như sau:

Hợp đồng	Số tiền vay	Lãi suất/năm	Ngày vay	Thời hạn
0531/11/BD01/RG	2.120.000.000	10,80%	01/08/2011	60 tháng
0712/11/BD01/RG	14.400.000.000	10,80%	05/10/2011	84 tháng
0742/12/BD01/RG	25.500.000.000	10,80%	03/07/2012	84 tháng
1018/12/BD01/RG	9.400.000.000	10,80%	13/09/2012	76 tháng
0386/15/DT04/RG	359.900.000	9,70%	04/11/2015	60 tháng
Cộng	51.779.900.000			

(5.15.5) Khoản vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang

Khoản vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang theo Quyết định 2641/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ngày 02/12/2010, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 4,8%/năm.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.16. Tình hình tăng giảm quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số dư đầu năm nay	827.685.067	105.132.670	932.817.737
Tạm trích quỹ trong kỳ (*)	5.706.800.362	1.430.062.153	7.136.862.515
Tăng do điều chuyển	352.738.349	88.184.587	440.922.936
Chi quỹ trong kỳ	(1.309.399.809)	(406.520.000)	(1.715.919.809)
Số dư cuối năm nay	5.577.823.969	1.216.859.410	6.794.683.379

(*) Số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi nêu trên là đơn vị tạm trích, số liệu này sẽ được điều chỉnh khi chính thức có Biên bản xếp loại doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đối với mức độ hoàn thành kế hoạch của công ty trong năm tài chính 2015.

5.17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
Số dư đầu năm trước	254.383.671.160	9.898.687.312	62.279.045.797	326.561.404.269
Lợi nhuận tăng trong năm		579.870.424		579.870.424
Dùng lợi nhuận bổ sung vốn nhà nước	104.628.820	(104.628.820)		-
Dùng lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển		(525.261.089)	525.261.089	-
Số dư cuối năm trước	254.488.299.980	9.848.667.827	62.804.306.886	327.141.274.693
Số dư đầu năm nay	254.488.299.980	9.848.667.827	62.804.306.886	327.141.274.693
Lợi nhuận tăng trong năm		9.595.177.592		9.595.177.592
Dùng lợi nhuận tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(7.136.862.515)		(7.136.862.515)
Dùng lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển		(2.878.553.278)	2.878.553.278	-
Điều chỉnh giảm Quỹ đầu tư phát triển tăng quỹ khen thưởng theo BBKTNN			(336.294.115)	(336.294.115)
Điều chỉnh giảm Lợi nhuận chưa phân phối tăng thuế phải nộp đối với nghiệp vụ nhượng bán CHXD số 1 theo CV Cục thuế		(429.692.411)		(429.692.411)
Điều chỉnh giảm Lợi nhuận chưa phân phối do chuyển lợi nhuận nộp NSNN theo CV 1090/KTNN-CN4 Kiểm toán nhà nước chi nhánh 4		(744.466.800)		(744.466.800)
Điều chỉnh giảm Lợi nhuận chưa phân phối do ghi trùng PKT 1543_31/03/13 2 lần về hoàn nhập công nợ		(60.700.000)		(60.700.000)
Điều chỉnh giảm Lợi nhuận chưa phân phối do hàng bán bị trả lại		(8.193.570.415)		(8.193.570.415)
Điều chỉnh giảm vốn nhà nước tăng quỹ khen thưởng, phúc lợi theo BB đối chiếu số liệu với KTNN	(104.628.820)			(104.628.820)
Số dư cuối năm nay	254.383.671.160	-	65.346.566.049	319.730.237.209

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nội địa	2.245.559.135.968	3.073.692.397.123
Doanh thu xuất khẩu	1.269.081.938.982	1.879.966.099.932
Doanh thu bán bất động sản	203.654.435.414	58.217.388.345
Doanh thu nội bộ	2.044.488.315	4.151.380.664
Cộng doanh thu	3.720.339.998.679	5.016.027.266.064
Các khoản giảm trừ	(457.666.245)	(422.271.840)
Doanh thu thuần	3.719.882.332.434	5.015.604.994.224

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.380.904.804.353	4.827.373.484.703
Giá vốn đất nền dự án đã chuyển nhượng	183.023.021.522	44.481.338.000
Giá vốn hàng hóa tiêu thụ nội bộ	2.044.488.315	4.151.380.664
Cộng	3.565.972.314.190	4.876.006.203.367

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, lãi ký quỹ	90.644.334	1.755.624.896
Cổ tức lợi nhuận được chia (6.3.1)	10.395.902.349	8.447.318.359
Lãi từ chuyển nhượng vốn	4.382.018.141	14.500.000.000
Lãi trả chậm	230.494.804	373.309.891
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.693.034.891	9.541.446.711
Chiết khấu thanh toán – thu nhập khác	18.455.000	50.940.000
Cộng	24.810.549.519	34.668.639.857

(6.3.1) Trong đó, cổ tức đã ghi nhận chưa thu được tiền là: 6.387.992.538 đồng.

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	30.676.119.942	29.494.342.328
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	4.999.162.142	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.156.456.384	11.938.866.580
Hoàn nhập cổ tức trích thừa	-	191.355.000
Lỗ chuyển nhượng vốn	751.007.700	-
Chi phí chuyển nhượng	204.501.742	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	303.187.615	211.027.620
Cộng	47.090.435.525	41.835.591.528

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu tiền hỗ trợ, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	787.788.760	1.356.096.062
Thu hỗ trợ lãi suất vay tạm trữ gạo	4.861.990.000	-
Thu thanh lý tài sản cố định	5.145.547.181	637.272.727
Thu nhập từ chuyển nhượng QSD đất	21.975.747.330	23.806.358.633
Thu nhập từ chênh lệch giá trị tài sản góp vốn	-	3.520.619.151
Thu chênh lệch giá nhận ủy thác xuất khẩu	195.000.000	757.866.450
Thu nhập từ xử lý chênh lệch kiểm kê thừa	3.663.645.400	293.983.651
Thu nhập từ khoản thuế đất năm trước được hoàn	-	1.704.584.257
Thu nhập khác	68.679.577	535.016.862
Cộng	36.698.398.248	32.611.797.793

6.6. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý TSCĐ	2.182.404.674	373.862.134
Giá vốn và chi phí chuyển nhượng QSD đất	18.741.608.386	12.636.477.110
Chi phí thanh lý tài sản cố định	189.451.343	-
Chênh lệch thiếu từ kiểm kê	3.246.181.002	-
Chi bồi thường	-	4.804.170
Chi phí phạt VPHC, phạt chậm nộp	204.646.244	10.559.987
Lãi vay quá hạn	55.235.593	-
Chi phí khác	99.908.323	160.007.224
Cộng	24.719.435.565	13.185.710.625

6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.039.456.401	6.059.175.435
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Lãi CLTG chưa thực hiện cuối kỳ của các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	-	(351.375.880)
- Cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm	(10.395.902.349)	(8.447.318.359)
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Lãi CLTG chưa thực hiện cuối kỳ trước của các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	351.375.880	580.581.887
- Lỗ CLTG chưa thực hiện cuối của các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	33.795.531	
- Lãi vay do góp thiếu vốn đầu tư vào Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	208.740.486	1.552.274.462
- Cổ tức và lợi nhuận đã ghi nhận năm trước, năm nay không thu được	26.280.631	191.355.000
- Chi phí bị phạt, các chi phí không được trừ	162.960.485	10.559.987
Tổng thu nhập chịu thuế	5.426.707.065	(404.747.468)

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Trong đó:	Năm 2015	Năm 2014
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	24.746.721.859	24.905.931.868
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(19.320.014.794)	(25.310.679.336)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản	5.444.278.809	5.479.305.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.444.278.809	5.479.305.011

6.7.1 Chi tiết khoản lỗ thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh theo báo cáo kiểm toán còn được chuyển lỗ:

Khoản lỗ thu nhập chịu thuế	Số tiền	Hiệu lực chuyển lỗ
Năm 2012	19.473.657.690	2017
Năm 2013	462.328.827	2018
Năm 2014	25.310.679.336	2019
Năm 2015	19.320.014.794	2020
Cộng	64.566.680.647	

7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

7.1 Lãi, lỗ hoạt động đầu tư

	Năm 2015	Năm 2014
Thu thanh lý tài sản cố định	27.121.294.511	24.443.631.360
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	(20.924.013.060)	(13.010.339.244)
Lãi tiền gửi ngân hàng	90.644.334	1.755.624.896
Thu nhập từ chênh lệch giá trị tài sản góp vốn	-	3.520.619.151
Lãi từ bán cổ phiếu	3.631.010.441	14.500.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	10.395.902.349	8.447.318.359
Cộng	20.314.838.575	39.656.854.522

8. Các khoản nợ còn trong giai đoạn tranh chấp, kiện tụng

Năm 2014, Công ty đã tiến hành xem xét, quy trách nhiệm cho Ông Lê Nguyễn Hoàng Nam (nguyên Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh của Công ty), đề nghị đòi bồi thường đối với khoản tiền bán hàng, xuất khẩu gạo cho khách hàng World trade LLC bị thất lạc với số tiền là 13.490.448.500 đồng (khách hàng đã phản hồi và chứng minh việc chuyển trả tiền nhưng Công ty vẫn chưa nhận được tiền). Đồng thời, Công ty cũng đã chuyển toàn bộ hồ sơ có liên quan cho các cơ quan chức năng nhằm phục vụ công tác điều tra khởi kiện đối với Ông Nam. Đến thời điểm lập báo cáo này, do vẫn chưa nhận được quyết định về thi hành án, nên hiện Công ty vẫn đang ghi nhận khoản phải thu khách hàng với số tiền nêu trên về việc bán gạo đối với khách hàng World trade LLC mà chưa có hướng xử lý đối với khoản nợ nêu trên.



09-002
HÀNH
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
KIÊN GIANG
09-002

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

9. Về xử lý nợ phải thu khó đòi khi thực hiện cổ phần doanh nghiệp

- + Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- + Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Ngày 26/04/2014 Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có Thông báo số 251/TB-VP hướng dẫn Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang chốt thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31/12/2015, đồng thời công ty có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ hồ sơ các khoản nợ khó thu và nguồn xử lý sang cơ quan tài chính, phân công cán bộ phụ trách cùng phối hợp tiếp tục theo dõi, xử lý.

Kiên Giang, ngày 27 tháng 04 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



ĐINH HOÀI THANH

TRẦN THỊ KIM QUYẾT

PHẠM VĂN HOÀNG